

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HSST

Ngày: 27-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Hiệp

2. Ông Nguyễn Ngọc Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 27 Tháng 7 năm 2017, tại Trung tâm Văn hóa huyện C T, tỉnh An Giang; Địa chỉ: đường L L, ấp H P IV, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo: H V P (T), sinh năm 1983 tại thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 18, ấp H L I, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Tổ 18, ấp H L I, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang; Số CMND: 351455085; Nghề nghiệp: nguyên làm thuê; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; con ông H V S, sinh năm 1957 (còn sống) và bà L T T M, sinh năm 1959 (đã chết); có vợ và 01 con 10 tuổi; tiền sự: chưa; tiền án: chưa; bị bắt tạm giam từ ngày: 20-4-2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại: 1. Anh L V L, sinh năm 1990 (có mặt)

2. Chị N T B H, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 18, ấp H L I, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh G M K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

ĐKHKT: Số nhà 58/2, đường N G T, Phường 2, thành phố V T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tạm trú: Số nhà 6B, đường H V, Khóm 2, phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang.

2.Chị L N T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 138/2A, đường K Đ, khóm Đ T 5, phường M P, thành phố L X, tỉnh An Giang

3.Chị P T C, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 18, ấp H L I, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo P ở gần nhà anh L, chị H; Cùng cư trú tại Tổ 18, ấp H L I, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang. Với ý định lấy trộm tài sản từ trước, P biết được hàng ngày anh L, chị H thường ra chợ mua bán vào khoảng 23 giờ. Khoảng 01 giờ, ngày 20-4-2017, sau khi thấy anh L, chị H ra khỏi nhà thì P đi lại phía sau nhà anh L, dùng tay đẩy chốt cửa, mở cửa nhà sau của anh L, rồi đi vào trong nhà, đến tủ nhựa đặt cạnh giường ngủ, lén lút lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus (16G) màu trắng hồng, số IMEL: 35333207 9011367 và số tiền 1.130.000đ để trong ngăn tủ, sau đó P quay về nhà ngủ. Đến sáng anh L, chị H về nhà và phát hiện mất trộm nên tri hô, cho anh N V L hay và nghi vấn P lấy trộm nên anh L cùng với anh L theo dõi P và trình báo Công an thị trấn A C. Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, P thuê xe mô tô của anh N Q M đi đến tiệm điện thoại di động bảng hiệu T T; Địa chỉ: Số 6B, đường H V, Khóm 2, phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang do anh G M K làm chủ, bán điện thoại lấy trộm được 6.800.000đ; P trả tiền thuê xe cho anh M 100.000đ. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an thị trấn A C mời P về làm việc thì P thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại của anh L, chị H nên Công an thị trấn A C tiến hành lập biên bản thu giữ tang vật gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus (16G) màu trắng hồng và 7.800.000đ do P giao nộp. Sau đó, Công an thị trấn A C báo cáo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T giải quyết; P bị tạm giữ. Ngày 26-4-2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo H V P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Người bị hại anh L V L, chị N T B H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh G M K, chị L N T, chị P T C trình bày như nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố; hành vi của bị cáo H V P đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Bị cáo có hành vi lén lút lợi dụng đêm tối chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản lén lút chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus (16G) trị giá 8.910.000đ và 1.130.000đ tiền mặt.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại biên bản kết luận định giá tài sản tang vật số 44/KL.HĐ ngày 21-4-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C T, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus (16G) màu trắng hồng đã qua sử dụng có trị giá là $9.900.000đ \times 90\% = 8.910.000đ$.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T đã trả lại tài sản do P lấy trộm là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus (16G) màu trắng hồng, số IMEL: 35333207 9011367 cho người bị hại anh L, chị H và 1.130.000đ tiền mặt; trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh G M K số tiền 6.800.000đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị P T C không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 130.000đ chị đã nộp để khắc phục hậu quả.

Bản cáo trạng số 20/VKS-HS ngày 06-7-2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo H V P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ Luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 (Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải); khoản 2 Điều 46 (bị cáo có gia đình nghèo, là lao động chính trong gia đình; người bị hại anh L, chị H có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo); Điều 33 của Bộ Luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt: bị cáo H V P mức án tù: 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 20-4-2017.

*Phản bồi thường dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

*Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T đã trả lại tài sản do P lấy trộm là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus (16G) màu trắng hồng số IMEL: 35333207 9011367 cho người bị hại anh L, chị H và số tiền 1.130.000đ và trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K, chị T số tiền 6.800.000đ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo hối hận, bị cáo hứa sửa đổi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định: vào khoảng 01 giờ ngày 20-4-2017, tại nhà anh L V L, chị N T B H; Địa chỉ: Tổ 18, ấp H L I, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang. Bị cáo H V P đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc trông giữ tài sản của người bị hại, lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus (16G) màu trắng hồng, số IMEL: 35333207 9011367 có giá trị là 8.910.000đ và số tiền 1.130.000đ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.040.000đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”
như vậy, hành vi của bị cáo P lén lút chiếm đoạt tài sản của anh L, chị H có giá trị 10.040.000đ đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

[3] Như chúng ta đều biết, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị. Song xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền trả nợ và tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống kinh tế của họ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Việc đưa vụ án ra xét xử lưu động hôm nay là nhằm giáo dục ý thức pháp luật, răn đe đối với bị cáo và những ai có ý định vi phạm pháp luật, xem thường pháp luật sẽ bị pháp luật điều chỉnh. Ngoài ra cũng có mục đích để nhắc nhở mọi người nên cẩn thận trong việc trông giữ tài sản.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo nhất thời phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động người thân nộp tiền khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có gia đình nghèo, là lao động chính trong gia đình; người bị hại anh L, chị H có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ Luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T đã trả lại tài sản do P lấy trộm là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus (16G) màu trắng hồng, số IMEL: 35333207 9011367 cho người bị hại anh L, chị H và số tiền 1.130.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo P phải chịu: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 231 và Điều 234 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2003.

Bị cáo P; Người bị hại anh L, chị H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-7-2017).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh K, chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo H V P (T) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ Luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt H V P 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 20-4-2017.

Áp dụng: Điều 99 Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2003; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo H V P phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 231 và Điều 234 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2003.

Bị cáo H V P; Người bị hại anh L V L, chị N T B H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị P T C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-7-2017).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh G M K, chị L N T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án,
Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lý Đông Hoà